|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾ  **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**  **THÍ ĐIỂM BÁC SỸ TRẺ TÌNH NGUYỆN VỀ VÙNG KHÓ KHĂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……………………, ngày tháng năm 2018* |

**MẪU TỰ ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI BÁC SỸ TRẺ**

**CHUYÊN NGÀNH RĂNG HÀM MẶT DỰ ÁN 585**

**I. Thông tin chung bác sỹ trẻ.**

Họ và tên :…..………………………………………………………………….

Ngày sinh:………………………………………………………………………

Chuyên ngành:………………………………………………………………….

Tốt nghiệp Chuyên khoa I năm:………………………………………………..

Đơn vị tuyển dụng:……………………………………………………………..

Đơn vị sử dụng:…………………………………………………………………

Thời gian bắt đầu công tác tại huyện nghèo:…………………………………..

**II. Các nội dung đánh giá**

**1. Mô tả hoạt động thường ngày (**Công việc chính ở khoa làm gì? Phối hợp với ai? Thời gian làm việc? Hỗ trợ đồng nghiệp?.....)

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

**2. Đánh giá chung**

- Thời gian làm việc trung bình: ……/ngày

- Số buổi trực:…… buổi/tuần

- Số bệnh nhân được bác sỹ trẻ khám/ thực hiện thủ thuật hàng ngày: …….bệnh nhân

**3. Các nội dung bác sỹ trẻ tự đánh giá**

**3.1. Về chuyên môn: làm được………. kỹ thuật, trong đó:**

- Chuyển giao cho đơn vị: …. kỹ thuật

- Thực hiện theo phân tuyến: …… kỹ thuật

- Theo chương trình đào tạo: …… kỹ thuật

**3.1.1. Các kỹ thuật Bác sỹ trẻ chuyển giao cho đơn vị sau khi đến công tác**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**3.1.2 . Các kỹ thuật bác sỹ trẻ thực hiện được theo phân tuyến kỹ thuật**

| **TT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất**  **(số ca/ngày**  **/tuần/tháng** | **Trong đó** | | **Mức độ tự tin**  **(+/-)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số ca tự làm** | **Số ca phối hợp** |
|  | Điều trị viêm quanh răng |  |  |  |  |
|  | Chích áp xe lợi |  |  |  |  |
|  | Lấy cao răng |  |  |  |  |
|  | Chụp tuỷ bằng Hydroxit canxi |  |  |  |  |
|  | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite |  |  |  |  |
|  | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam |  |  |  |  |
|  | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement |  |  |  |  |
|  | Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement |  |  |  |  |
|  | Phục hồi cổ răng bằng Composite |  |  |  |  |
|  | Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà |  |  |  |  |
|  | Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc |  |  |  |  |
|  | Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt |  |  |  |  |
|  | Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại) |  |  |  |  |
|  | Chụp nhựa |  |  |  |  |
|  | Chụp kim loại |  |  |  |  |
|  | Chụp hợp kim thường cẩn nhựa |  |  |  |  |
|  | Chụp hợp kim thường cẩn sứ |  |  |  |  |
|  | Chụp hợp kim Titanium cẩn sứ |  |  |  |  |
|  | Chụp sứ toàn phần |  |  |  |  |
|  | Chụp kim loại quý cẩn sứ |  |  |  |  |
|  | Cầu nhựa |  |  |  |  |
|  | Cầu hợp kim thường |  |  |  |  |
|  | Cầu kim loại cẩn nhựa |  |  |  |  |
|  | Cầu kim loại cẩn sứ |  |  |  |  |
|  | Cầu hợp kim Titanium cẩn sứ |  |  |  |  |
|  | Cầu kim loại quý cẩn sứ |  |  |  |  |
|  | Cầu sứ toàn phần |  |  |  |  |
|  | Veneer Composite gián tiếp |  |  |  |  |
|  | Veneer sứ toàn phần |  |  |  |  |
|  | Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường |  |  |  |  |
|  | Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường |  |  |  |  |
|  | Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo |  |  |  |  |
|  | Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo |  |  |  |  |
|  | Hàm khung kim loại |  |  |  |  |
|  | Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng |  |  |  |  |
|  | Tháo cầu răng giả |  |  |  |  |
|  | Tháo chụp răng giả |  |  |  |  |
|  | Sửa hàm giả gãy |  |  |  |  |
|  | Thêm răng cho hàm giả tháo lắp |  |  |  |  |
|  | Thêm móc cho hàm giả tháo lắp |  |  |  |  |
|  | Đệm hàm nhựa thường |  |  |  |  |
|  | Nhổ răng vĩnh viễn |  |  |  |  |
|  | Nhổ răng vĩnh viễn lung lay |  |  |  |  |
|  | Nhổ chân răng vĩnh viễn |  |  |  |  |
|  | Nhổ răng thừa |  |  |  |  |
|  | Cắt lợi xơ cho răng mọc |  |  |  |  |
|  | Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới |  |  |  |  |
|  | Điều trị viêm quanh thân răng cấp |  |  |  |  |
|  | Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp |  |  |  |  |
|  | Trám bít hố rãnh với Composite hoá trùng hợp |  |  |  |  |
|  | Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp |  |  |  |  |
|  | Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant |  |  |  |  |
|  | Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement |  |  |  |  |
|  | Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement |  |  |  |  |
|  | Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt |  |  |  |  |
|  | Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor |  |  |  |  |
|  | Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục |  |  |  |  |
|  | Lấy tuỷ buồng răng sữa |  |  |  |  |
|  | Điều trị tuỷ răng sữa |  |  |  |  |
|  | Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit |  |  |  |  |
|  | Điều trị đóng cuống răng bằng MTA |  |  |  |  |
|  | Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam |  |  |  |  |
|  | Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement |  |  |  |  |
|  | Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn |  |  |  |  |
|  | Nhổ răng sữa |  |  |  |  |
|  | Nhổ chân răng sữa |  |  |  |  |
|  | Chích Apxe lợi trẻ em |  |  |  |  |
|  | Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám) |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức |  |  |  |  |
|  | Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt |  |  |  |  |
|  | Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt |  |  |  |  |
|  | Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt |  |  |  |  |
|  | Gây tê vùng điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt |  |  |  |  |
|  | Nắn sai khớp thái dương hàm |  |  |  |  |
|  | Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê |  |  |  |  |
|  | Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt |  |  |  |  |
|  | Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp |  |  |  |  |
|  | **Các kỹ thuật khác** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**3.1.3. Các kỹ thuật bác sỹ trẻ đã thực hiện theo chương trình đào tạo dự án 585**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất**  **(số ca/ngày/**  **tuần/tháng** | **Ghi chú** | | **Mức độ tự tin**  **(+/-)** |
| **Số ca tự làm** | **Số ca phối hợp** |
|  | **Chẩn đoán hình ảnh** |  |  |  |  |
|  | Chụp và đọc kết quả phim chấn thương vùng hàm mặt |  |  |  |  |
|  | Chụp và đọc kết quả tổn thương một số loại tổn thương nang và giả nang vùng hàm mặt |  |  |  |  |
|  | Chụp và đọc kết quả phim cận chóp |  |  |  |  |
|  | Chụp và đọc kết quả phim chụp khớp thái dương hàm, tuyến nước bọt |  |  |  |  |
|  | **Chữa răng nội nha** |  |  |  |  |
|  | Hàn composite các loại lỗ hàn và thẩm mỹ |  |  |  |  |
|  | Điều trị tủy và hàn ống tủy răng 1 chân và răng hàm nhỏ |  |  |  |  |
|  | Điều trị tủy và hàn ống tủy răng hàm lớn |  |  |  |  |
|  | Điều trị tủy lại răng 1 chân và răng hàm nhỏ |  |  |  |  |
|  | Điều trị tủy lại răng hàm lớn |  |  |  |  |
|  | **Nha chu** |  |  |  |  |
|  | Lấy cao răng |  |  |  |  |
|  | Nạo túi quanh răng |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt lợi (phụ), tạo hình lợi... |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật ghép lợi tự do (phụ) |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật ghép xương ổ răng |  |  |  |  |
|  | **Phục hình** |  |  |  |  |
|  | Phục hình tháo lắp từng phần |  |  |  |  |
|  | Phục hình tháo lắp toàn bộ |  |  |  |  |
|  | Mài răng trụ làm chụp và cầu răng kim loại sứ |  |  |  |  |
|  | Thiết kế hàm khung |  |  |  |  |
|  | Gắn band và mắc cài |  |  |  |  |
|  | **Bệnh lý và Phẫu thuật Miệng - Hàm mặt** |  |  |  |  |
|  | Nhổ răng và chân răng khó |  |  |  |  |
|  | Nhổ răng khôn lệch |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt cuống răng |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật bấm gai xương |  |  |  |  |
|  | Làm bệnh án bệnh nhân phẫu thuật hàm mặt |  |  |  |  |
|  | Xử lý các vết thương phần mềm |  |  |  |  |
|  | Chẩn đoán và xử lý bước đầu cấp cứu vùng hàm mặt |  |  |  |  |
|  | Chẩn đoán và có hướng xử trí các bệnh lý thông thường vùng hàm mặt |  |  |  |  |
|  | Chẩn đoán và có hướng xử trí các trường hợp gãy xương |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật tạo hình môi (phụ mổ) |  |  |  |  |
|  | Phụ mổ chấn thương hàm mặt |  |  |  |  |
|  | Phụ mổ khối u và nang vùng hàm mặt |  |  |  |  |
|  | Buộc cố định hai hàm |  |  |  |  |
|  | **Nha khoa cộng đồng** |  |  |  |  |
|  | Thực hiện 04 nội dung tại một phòng nha học đường |  |  |  |  |
|  | Lập kế hoạch điều trị và dự phòng cho bệnh nhân người cao tuổi |  |  |  |  |
|  | Phân tích các giai đoạn phát triển của hàm răng trên phim X.quang |  |  |  |  |
|  | Khám, ghi nhận và đánh giá các chỉ số |  |  |  |  |
|  | Viết báo cáo điều tra cộng đồng |  |  |  |  |
|  | **Răng trẻ em - Chỉnh hình răng mặt** |  |  |  |  |
|  | Trám GIC các loại lỗ hàn trên răng sữa |  |  |  |  |
|  | Điều trị tủy và hàn ống tủy răng 1 chân và răng hàm sữa |  |  |  |  |
|  | Điều trị tủy răng vĩnh viễn chưa đóng chóp |  |  |  |  |
|  | Tư vấn, lập kế hoạch điều trị thói quen xấu ở trẻ em |  |  |  |  |
|  | Phân tích phim sọ nghiêng và mẫu |  |  |  |  |
|  | Chỉ định và thiết kế khí cụ điều trị chỉnh nha cố định |  |  |  |  |

**3.2. Về các hoạt động khác**

- Số tài liệu được viết, soạn thảo để đào tạo, hướng dẫn cho đồng nghiệp tại huyện nghèo: ….

Trong đó:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tài liệu** | **Số trang** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

- Số buổi tập huấn, hướng dẫn chia sẻ kinh nghiệm được bác sỹ trẻ thực hiện:………

Trong đó:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tập huấn** | **Số ngày** | **Số người tham dự** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

- Một số hoạt động khác (ngoài chuyên khoa răng hàm mặt, có thực hiện hoạt động chuyên môn, Khám chữa bệnh chuyên khoa khác không, ví dụ tai mũi họng...)

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

- Bác sỹ trẻ tự đánh giá hiệu quả của các hoạt động trên

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**4. Về việc thực hiện chế độ chính sách đối với bác sỹ trẻ tình nguyện**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**5. Thuân lợi, khó khăn khi công tác tại huyện nghèo**

**5.1. Thuận lợi**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**5.2. Khó khăn**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**6. Đề xuất, kiến nghị**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người giám sát**  **(Ký tên)** | **Bác sỹ trẻ tình nguyện**  **(ký tên)** | **Lãnh đạo đơn vị**  **(Ký tên, đóng dấu)** |